

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng

sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cho các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau viết tắt là Chương trình 1322) giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
2. Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322.
3. Nghị quyết này không áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng mục đích, không trùng lặp.
2. Trong trường hợp nội dung, đối tượng hỗ trợ đã có ở cơ chế, chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh thì các đối tượng tham gia Chương trình 1322 được lựa chọn các hình thức hỗ trợ phù hợp.
3. Áp dụng phương thức hỗ trợ một lần trong quá trình hoạt động (sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ) của các đối tượng tham gia.

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện các nhiệm vụ

PHƯƠNG ÁN 1:

1. Thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng
 - a) Đối với các hoạt động xuất bản phẩm dưới các hình thức sau: Áp dụng theo quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau viết tắt là Thông tư số 35/2021/TT-BTC).

- Các tác phẩm báo chí, xuất bản (chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết);
- Các tác phẩm dưới dạng tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử);
- Các chương trình truyền hình, chương trình phát thanh;
- Việc tạo lập, duy trì, khai thác phát triển cơ sở dữ liệu để nâng cao năng suất chất lượng phục vụ doanh nghiệp;
- Các nội dung chi khác (in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm).

b) Đối với hoạt động chi cho hoạt động tổ chức hội nghị, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thực hiện công tác tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

a) Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Các nhiệm vụ chi khác có liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 7 Thông tư số 35/2021/TT-BTC và do cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Thực hiện công tác quản lý, hoạt động chung Chương trình 1322

a) Nhiệm vụ chi xác định/chuyển chọn nhiệm vụ, kiểm tra/đánh giá kết quả thực hiện, tổ chức các cuộc họp định kỳ/đột xuất hoặc tổ chức hội thảo khoa học kể cả các mức chi văn phòng phẩm/dịch vụ công cộng, thi đua khen thưởng phục vụ cho theo yêu cầu quản lý và thực hiện các nhiệm vụ chung của Chương trình 1322: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 4, 5 Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

b) Đối với hoạt động chi để tổ chức hội nghị, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ

cho sản xuất/dịch vụ thông minh: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

5. Các nhiệm vụ chi khác phục vụ công tác tổ chức, triển khai để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh:

a) Các quy định không nêu tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Các quy định viện dẫn tại Nghị quyết này đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng hiện hành đó.

PHƯƠNG ÁN 2:

1. Chi sản xuất tài liệu, ấn phẩm dưới dạng tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Theo thỏa thuận về nhuận bút và mức nhuận bút theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định hiện hành liên quan khác theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp.

2. Chi sản xuất các tác phẩm mỹ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): 0,6 lần mức lương cơ sở.

3. Chi tổ chức hội nghị, công tác phí để tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm; sơ kết, tổng kết các hoạt động về nâng cao năng suất: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Nội dung chi khác liên quan đến các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 35/2021/TT-BTC và theo các quy định pháp luật hiện hành.

6. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

3. Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp do doanh nghiệp tự quyết định, tuân thủ các quy định pháp luật về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) và các quy định về thuế có liên quan.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBND Quốc Hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng TU, VP.TU;
- VP.HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT,

Thái Bảo